

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HẢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/02/2022  
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lưu Hải Đăng

***Các hội thẩm nhân dân:***

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm

2/. Bà Cao Thị Lệ Pha

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mộng Nghi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST-HN ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ A**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 22, xã PTA, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn: Anh Quách Văn C**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp HT, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

*(Chị A có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Mỹ A thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Quách Văn C tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau khoảng năm 2004, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, đến nay anh chị đã có 02 con chung, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị A xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do anh C thay đổi tính tình, thường xuyên ghen tuông vô cớ và có lần hành hung đánh đập chị. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng hơn

03 năm qua. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên chị A yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Quách Văn C.

Về quan hệ con chung: chị A xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày 16/6/2010. Hiện nay cả hai con đang sống với chị. Khi ly hôn chị A yêu cầu Tòa án xem xét tôn trọng nguyện vọng của 02 con, nếu con sống với chị thì chị đồng ý nuôi, còn nếu con sống với chồng chị thì chồng chị nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị A xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Quách Văn C: Mặc dù anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh C theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh C chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị A và anh C chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh C.

Về con chung: Từ lúc vợ chồng chị A và anh C ly thân với nhau thì cả hai người con tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày 16/6/2010. Chị A vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con, đồng thời nguyện vọng của cả hai người con là mong muốn được sống cùng với chị A, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao người cả hai con tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày 16/6/2010 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Chị A không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản và nợ: Chị A xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị A và

anh C không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh C. Anh C có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị A có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về nội dung vụ án: chị A và anh C chung sống với nhau vào khoảng năm 2004, việc chung sống trên tinh thần tự nguyện, đến nay thì anh chị đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị A và anh C là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị A và anh C không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị A xin ly hôn với anh C thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị A và anh C ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh C là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị A và anh C ly thân với nhau thì cả hai người con tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày

16/6/2010. Chị A vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con, đồng thời nguyện vọng của cả hai người con là mong muốn được sống cùng với chị A, nên Hội đồng xét xử xem xét giao người cả hai con tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày 16/6/2010 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Chị A không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị A và anh C không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai cũng như không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị, khi ly hôn anh chị không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Mỹ A và anh Quách Văn C là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Quách Thành D, sinh ngày 07/7/2006 và Quách Ngọc L, sinh ngày 16/6/2010 cho chị Trần Mỹ A được nuôi dưỡng giáo dục; Anh Quách Văn C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Quách Văn C.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Trần Mỹ A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001990 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự chị Trần Mỹ A và anh Quách Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*đã ký*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**